

Bản án số: **11/2018/HS-ST**
Ngày 16-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Bình

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thị - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Thân Phương N-BC, sinh năm 1994 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 8/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Thân Văn H1 (đã chết) và bà Trần Thị B1; vợ chưa có; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ ngày 16-10-2017, tạm giam ngày 25-10-2017 cho đến ngày 03-01-2018 được tại ngoại (*cho bảo lãnh*), (*có mặt*).

2. Phạm Văn M-BC (*tên gọi khác: T-bc*), sinh năm 1985 tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp DT, xã DT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp làm ruộng ; trình độ văn hoá 9/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Phạm Văn C và bà Lê Thị Đ; vợ Thân Thị KT(*đã ly hôn*); con chưa có; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ ngày 27-10-2017, tạm giam ngày 30-10-2017 cho đến ngày 07-12-2017 thì được tại ngoại (*có mặt*).

3. Lưu Ngọc Đ-BC, sinh năm 1992 tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp sửa xe; trình độ văn hoá 9/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; giới tính nam; tôn giáo không; con ông Lưu Văn Đ2 và bà Dương Thị T1; vợ Nguyễn Thị TN; con có 01 người sinh năm 2015; tiền án, tiền sự không; về nhân thân: ngày 11/3/2016 bị TAND huyện An Minh xử phạt 3 tháng 4 ngày tù về tội trộm cắp tài sản; bị cáo được tại ngoại – Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 30/11/2017 (*có mặt*).

Bị hại:

- Anh Hình Phước K (*H1*), sinh năm 1980. Cư trú: ấp B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*vắng mặt*)

- Anh Đỗ Văn C1, sinh năm 1995. Cư trú: ấp Bần B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07/5/2014 sau khi nghỉ nhậu tại quán Vườn Mai thuộc ấp 7C, xã ĐT, huyện An Biên, Thân Phương N-BC, Phạm Văn M-BC (tên thường gọi: T-bc) và Lê Minh T3 (tạm trú tại ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh) rủ nhau về nhà N-BC ở ấp 8II, xã TH, huyện An Minh nhậu tiếp. Đến ấp 8II, xã TH, huyện An Minh cả ba phát hiện xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo màu đen, có biển kiểm soát 68M7-1340 của anh Hình Phước K (tên thường gọi: H1), sinh năm 1980, HKTT: ấp B, xã TH, huyện An Minh đang đậu cách nhà N-BC khoảng 50 mét, không có người trông giữ nên cả ba nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 22 giờ cùng ngày N-BC và T3 đến tiếp cận xe, quan sát không có ai nên đã lén lút lấy trộm xe của anh K. T3 dẫn xe bẻ lái còn N-BC dùng tay đẩy tiếp từ phía sau, đến cầu Kênh Cũ thì N-BC và T3 bứt dây max xe, N-BC khởi động và điều khiển xe vừa trộm được, T3 điều khiển xe hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu đen không nhớ biển kiểm soát của M-BC (xe này hiện M-BC đã bán phế liệu) chở M-BC phía sau lên Rạch Sỏi tiêu thụ. Khi đi đến xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang thuê trọ ngủ đến sáng ngày 08/5/2014 đem xe vừa trộm được đến dịch vụ cầm đồ Ngọc Kiều ở số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá do ông Phạm Văn M-BC làm chủ cầm được số tiền 5.000.000đồng, N-BC chia cho mỗi người 1.000.000đồng, số tiền 2.000.000đồng còn lại cùng nhau đi nhậu và hát karaoke hết.

Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 16/5/2014 Thân Phương N-BC rủ Lưu Ngọc Đ-BC ở ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh và Trần Văn H2 nhà ở xã VHH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đi trộm xe mô tô để sử dụng hoặc bán lấy tiền tiêu xài thì được Đ-BC và H2 đồng ý. Bắt đầu đi H2 điều khiển xe Wave Trung Quốc màu xanh không nhớ biển kiểm soát của N-BC (xe này hiện tại N-BC đã bán cho một người lạ mặt, không biết tên và địa chỉ) chở Đ-BC và N-BC theo đường kênh Kiềm Lâm đến ngã tư Xẻo Bần. Khoảng 01 giờ sáng ngày 17/5/2014 thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Suzuki loại xe Axeslo, có biển kiểm soát 68M1-09704 màu vàng đen của anh Đỗ Văn C1, sinh năm 1995, HKTT: ấp BB, xã TH, huyện An Minh đậu nhờ trước nhà ông Võ Hữu H5 ở cùng ấp không có người trông giữ. H2 điều khiển xe chở Đ-BC và N-BC chạy quay lại hướng xã TH khoảng 50 mét thì đậu xe lại, Đ-BC và N-BC đứng ngoài xe chờ còn H2 thì lên lút lấy trộm xe, nhưng xe bị khóa cổ nên H2 kêu Đ-BC và N-BC lại khiêng xe ra lộ nhựa, ra đến lộ thì N-BC nắm chịu bánh xe trước cho H2 và Đ-BC bẻ khóa cổ xe, nhưng không bứt được dây max nên H2 lên xe ngồi điều khiển còn N-BC chạy xe chở Đ-BC đẩy xe vừa trộm được về cất giấu trong buồng nhà Đ-BC tại ấp 8X, xã ĐH, huyện An Minh (lúc này người nhà Đ-BC đã ngủ hết, không ai hay biết), H2 và N-BC thì về nhà N-BC ngủ. Vì sợ bị phát hiện nên Đ-BC kêu H2 và N-BC đem xe đi trả cho người bị hại. Khoảng 10 ngày sau N-BC và H2 đem xe đi nhưng không nói đem đi đâu. N-BC và H2 đến Bến Nhất thuộc xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng bán xe cho người thanh niên lạ mặt được số tiền là 7.000.000 đồng, N-BC và H2 đi nhận và tiêu xài hết số tiền bán xe, không chia cho Đ-BC khoảng nào.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL- HĐĐG ngày 04/12/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe axeslo, biển kiểm soát 68M1-097.04 màu vàng đen có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 20.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL- HĐĐG ngày 04/08/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe smash revo, biển kiểm soát 68M7-1340 màu đen có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 5.880.000 đồng.

Đối với Lê Minh T3 và Trần Văn H2 hiện tại không có mặt ở địa phương và không xác định được nơi cư trú, chưa làm việc được khi nào làm việc được, có đủ cơ sở chứng minh thực hiện hành vi phạm tội sẽ xử lý sau.

Đối với ông Phạm Văn M-BC là chủ dịch vụ cầm đồ Ngọc Kiều mua xe nhưng không biết xe là tài sản trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm, không xem xét giải quyết.

Đối với người mua xe mô tô Axeslo, có biển kiểm soát 68M1-09704 màu vàng đen do N-BC và H2 đem đi tiêu thụ, hiện không xác định được nhân thân người này nên chưa có đủ chứng cứ chứng minh thực hiện hành vi phạm tội, khi nào chứng minh được sẽ xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Hình Phước K đã nhận lại tài sản là 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe smash revo, biển kiểm soát 68M7-1340 màu đen và số tiền 2.000.000 đồng, không yêu cầu bị can Thân Phương N-BC và bị can Phạm Văn M-BC phải bồi thường gì thêm, đồng thời đã làm đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Ông Phạm Văn M-BC chủ dịch vụ cầm đồ Ngọc Kiều đã nhận đủ số tiền là 7.200.000 đồng do Thân Phương N-BC và Phạm Văn M-BC bồi thường thiệt hại do bị Cơ quan điều tra thu hồi xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo màu đen, có biển kiểm soát 68M7-1340 trả lại cho người bị hại là anh Hình Phước K, ông Phạm Văn M-BC không yêu cầu N-BC và M-BC phải bồi thường gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki loại xe Axeslo, có biển kiểm soát 68M1-09704 màu vàng đen của anh Đỗ Văn C1 bị Lưu Ngọc Đ-BC, Trần Văn H4 và Thân Phương N-BC lấy trộm, Lưu Ngọc Đ-BC và Thân Phương N-BC đã cùng nhau bồi thường đủ số tiền 20.000.000 đồng đúng theo yêu cầu của anh Đỗ Văn C1.

Vật chứng: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 001563 tên Hình Phước K và 01(Một) xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo màu đen, có biển kiểm soát 68M7-1340, sau khi thu hồi và định giá xong thì Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho anh Hình Phước K vào ngày 24/8/2016.

Tại Cáo trạng số 02/CTr-VKS ngày 08-01-2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Thân Phương N-BC, Lưu Ngọc Đ-BC, Phạm Văn M-BC về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên kết luận các bị cáo N-BC, Đ-BC, M-BC phạm tội trộm cắp tài sản và đề nghị áp dụng pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

+ Áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo N-BC từ 6 đến 9 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b,s,i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo M-BC từ 3 đến 6 tháng tù.

+ Áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đ-BC từ 3 đến 6 tháng tù.

Về dân sự, các bị cáo đã bồi thường xong cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét; Về vật chứng, cơ quan cảnh sát điều tra đã giao trả cho người bị hại Hình Phước K nhận 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 001563 tên Hình Phước K và 01(Một) xe mô tô hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo màu đen, biển kiểm soát 68M7-1340 nên đề nghị không xem xét.

- Các bị cáo N-BC, M-BC, Đ-BC thừa nhận đã thực hiện hành vi như Cáo trạng đã nêu và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều trình bày là đã biết lỗi, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo N-BC, M-BC, Đ-BC tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ căn cứ để xác định ngày 07/5/2014 N-BC, M-BC và 01 người tên T3 quan sát thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Smash Revo, màu đen, biển kiểm soát 68M7-1340 của anh Hình Phước K không có người trong giữ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày T3 dùng tay dẫn xe đi và bẻ lái, N-BC thì dùng tay đẩy từ phía sau. Sau đó T3 điều khiển xe vừa trộm được chở M-BC đem lên Rạch Sỏi bán được 5.000.000 đồng, chia cho N-BC, T3 và M-BC mỗi người 1.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng cả ba chi xài chung. Khoảng 01 giờ ngày 17/5/2014 N-BC, Đ-BC và một người tên H2 đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại xe Axeslo, màu vàng đen, biển kiểm soát 68M1-09704 của anh Đỗ Văn C1. Cả ba cùng nhau khiêng xe ra

lộ, lúc này N-BC nắm bánh xe trước cho Đ-BC và H2bẻ cổ xe, sau đó H2lên điều khiển xe, N-BC chạy xe chở Đ-BC đẩy xe vừa trộm được đem về nhà Đ-BC cất giấu. Do sợ bị phát hiện nên Đ-BC kêu N-BC và H2đem trả xe cho bị hại. Khoảng 10 ngày sau H2 và N-BC đem xe đi nhưng không nói đi đâu, thực tế là N-BC và H2đem xe lên huyện Giồng Riềng bán được 7.000.000 đồng, N-BC và H2 chi xài hết, không chia tiền cho Đ-BC.

[3] Như vậy, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu để lén lút chiếm đoạt tài sản của họ; khi chiếm đoạt tài sản các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe axeslo, biển kiểm soát 68M1-097.04 màu vàng đen có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 20.800.000 đồng và 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe smash revo, biển kiểm soát 68M7-1340 màu đen có giá trị còn lại tại thời điểm bị lấy trộm là 5.880.000 đồng. Trong đó bị cáo M-BC tham gia 01 vụ chiếm đoạt chiếc xe smash revo có giá trị 5.880.000đ; bị cáo Đ-BC tham gia 01 vụ chiếm đoạt chiếc xe axeslo có giá trị 20.800.000đ; bị cáo N-BC tham gia 2 vụ chiếm đoạt 2 xe có tổng giá trị 26.680.000đ. Do đó, hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Đối chiếu giữa khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 với khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thấy rằng giữa hai điều luật có khoản 1 là ngang bằng nhau nên HĐXX thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và xác định các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;*
đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

..... ”.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân, nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt. Đồng thời cũng nhằm để răn đe, cảnh tỉnh chung đối với mọi người có ý thức tuân thủ pháp luật và tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác.

[7] Các bị cáo phạm tội khi có cùng 2 người trở lên cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, giữa các bị cáo không có sự phân công cụ thể mà khi xác định được tài sản thì các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải là phạm tội có tổ chức. Trong vai trò đồng phạm, bị cáo N-BC là người khởi xướng, rủ rê và là người thực hiện hành vi tích cực nhất nên phải chịu trách nhiệm cao hơn; các bị cáo M-BC, Đ-BC chỉ tham gia giúp sức nên trách nhiệm sẽ được giảm nhẹ hơn bị cáo N-BC.

[8] Đối với bị cáo Thân Phương N-BC sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Hình Phước K vào ngày 07/5/2014 thì đến ngày 17/5/2014 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Đỗ Văn C1. Mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Đ-BC tuy đã bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 11/3/2016 (đã chấp hành xong hình phạt) nhưng bản án này xét xử về hành vi phạm tội vào ngày 26/9/2014, tức là hành vi đó xảy ra sau hành vi bị cáo bị xét xử lần này nên không phải là tái phạm.

[9] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: các bị cáo N-BC, M-BC, Đ-BC trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại; bị cáo Đ-BC và M-BC phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (bị cáo N-BC không được hưởng tình tiết này vì bị cáo tuy bị xét xử lần đầu nhưng có hành vi phạm từ hai tội trở lên; bị cáo Đ-BC tuy đã bị kết án nhưng hành vi bị xét xử lần này thực hiện trước hành vi đã bị xét xử và trước khi thực hiện hành vi bị xét xử lần này chưa phạm tội nên được coi là phạm tội lần đầu); bị cáo Đ-BC đã khai

nhận hành vi bị xét xử hôm nay tại thời điểm bị xét xử lần trước, trong khi lần xét xử trước về hành vi phạm tội khác nhưng bị cáo tự khai nhận hành vi của mình nên đây là tình tiết tự thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s, i, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo N-BC và M-BC sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo Đ-BC sau khi chiếm đoạt được tài sản đã có ý kiến trả lại tài sản cho bị hại nhưng không được các bị cáo khác chấp nhận; từ sau khi phạm tội đến nay đã qua một thời gian tương đối dài nhưng các bị cáo đều không có hành vi vi phạm pháp luật khác, sống chấp hành tốt pháp luật (theo xác nhận của chính quyền địa phương), thể hiện các bị cáo đã thật sự ăn năn, từ bỏ con đường vi phạm pháp luật để sống hoàn lương, đây là tình tiết để xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo nhằm thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người muốn hoàn lương. HĐXX xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[10] Qua phân tích, thấy cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Khi quyết định hình phạt, do bị cáo M-BC và bị cáo Đ-BC có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[11] Về vật chứng, Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho người bị hại anh Hình Phước K nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[12] Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo N-BC, M-BC, Đ-BC đã bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại, người liên quan và họ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét đến.

[13] Về án phí, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Đối với các đối tượng Lê Minh T3, Trần Văn H2 đã tham gia cùng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do chưa xác định được nhân thân nên chưa xử lý. Đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục truy xét để xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Thân Phương N-BC, Phạm Văn M-BC (T-bc) và Lưu Ngọc Đ-BC phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Thân Phương N-BC 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 16/10/2017 đến ngày 03/01/2018).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Phạm Văn M-BC (T-bc) 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 27/10/2017 đến ngày 07/12/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, r khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc Đ-BC 3 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự, không xem xét đến.

Về vật chứng, không xem xét đến.

Về án phí, áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo Thân Phương N-BC, Phạm Văn M-BC và Lưu Ngọc Đ-BC phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 16-5-2018).

Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Tòa án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND xã ĐH;
- UBND xã TH;
- UBND xã ĐT;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công